

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Định hướng nghiên cứu

Tên ngành: Bảo vệ thực vật

Mã ngành: 8620112

1	Tên ngành đào tạo (Tiếng Việt và Anh)	Bảo vệ thực vật Plant protection
2	Mã ngành	8620112
3	Đơn vị quản lý (ghi Bộ môn và Khoa)	Bộ môn Bảo vệ Thực vật, Khoa Nông nghiệp
4	Các ngành dự thi	
4.1	Ngành đúng, phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	Bảo vệ thực vật
4.2	Ngành gần (học bổ sung kiến thức)	Khuyến nông, Nông học, Khoa học cây trồng (chuyên ngành: Công nghệ giống cây trồng), Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Phát triển nông thôn
5	Mục tiêu	<p>- Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo thạc sĩ Bảo vệ Thực vật theo định hướng nghiên cứu giúp cho người học nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng hoạt động nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thực tiễn hiện nay trong nông nghiệp công nghệ cao, thân thiện môi trường và bền vững; có năng lực xây dựng đề cương, chương trình nghiên cứu và ứng dụng sáng tạo thành tựu khoa học, công nghệ mới về quản lý dịch hại để giải quyết vấn đề bảo vệ thực vật phát sinh; có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm hiệu quả; xây dựng và phát triển mối quan hệ với tập thể; có khả năng tự nâng cao trình độ chuyên môn; khám phá tri thức, sáng tạo giá trị mới; thực hiện hiệu quả các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan, tổ chức, đơn vị kinh tế; hình thành năng lực của chuyên ngành để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.</p> <p>- Mục tiêu cụ thể Chương trình đào tạo thạc sĩ bảo vệ thực vật theo định hướng nghiên cứu cung cấp cho người học: a) kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành làm cơ sở vững chắc cho việc hình thành ý tưởng khoa học mới; phát hiện, khám phá và thử nghiệm kiến thức mới; b) phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp để có thể độc lập nghiên cứu các thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn; c) hoàn thiện năng lực thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác thuộc lĩnh vực bảo vệ thực vật; d) hình thành năng lực tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và thích ứng với các thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn.</p>
6	Chuẩn đầu ra	

6.1	Kiến thức	<p>6.1.1 Phần kiến thức chung:</p> <p>a. Người học vận dụng được thể giới quan, phương pháp luận triết học vào việc nhận thức và giải quyết vấn đề đặt ra trong học tập và nghiên cứu khoa học chuyên ngành.</p> <p>b. Người học có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong học tập và nghiên cứu lĩnh vực chuyên môn</p> <p>6.1.2 Kiến thức cơ sở:</p> <p>a. Người học được trang bị về phương pháp nghiên cứu khoa học và xử lý số liệu và phân tích viết báo cáo để có thể là chủ thể độc lập trong lĩnh vực chuyên môn, tiếp cận và tìm hiểu và vận dụng tri thức mới trong thực tế.</p> <p>b. Về lĩnh vực bảo vệ thực vật, người học được trang bị các kiến thức cơ sở về từng đối tượng dịch hại trên cây trồng, các lĩnh vực khoa học liên quan ảnh hưởng đến sự phát sinh phát triển và của dịch hại và biện pháp quản lý.</p> <p>6.1.3 Kiến thức chuyên ngành:</p> <p>a. Xây dựng được hệ thống kiến thức chuyên sâu về dịch hại trên cây trồng, sản phẩm cây trồng và hệ sinh thái nông nghiệp; giúp xác định đúng và giải quyết được vấn đề dịch hại phát sinh trên cây trồng.</p> <p>b. Giải thích được vai trò của từng nhóm sinh vật, côn trùng, động vật, vi sinh vật; tương tác giữa chúng và giữa chúng với cây trồng, cũng như ứng dụng tương tác này trong phòng trừ sinh học.</p> <p>c. Xây dựng được kiến thức về phương pháp hiện đại trong phát hiện, chẩn đoán đối tượng dịch hại cây trồng và sản phẩm của cây trồng; về kiểm dịch thực vật và biện pháp phòng chống sự xâm nhập, lây lan, gây hại của những đối tượng này.</p> <p>d. Khái quát hóa được kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học trong nông nghiệp; và ứng dụng kiến thức này vào việc xây dựng, thực hiện các chương trình nghiên cứu.</p>
6.2	Kỹ năng	<p>6.2.1 Kỹ năng cứng</p> <p>a. Thực hành, xử lý tình huống; tổng hợp, phân tích, nhận xét, đánh giá và vận dụng sáng tạo kiến thức đã học để giải quyết một cách hệ thống, thân thiện với môi trường đối với những vấn đề bảo vệ thực vật trong thực tiễn sản xuất.</p> <p>b. Tổ chức, thành lập và triển khai việc sản xuất kinh doanh; tham mưu về tổ chức, hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực bảo vệ thực vật cho lãnh đạo doanh nghiệp, cơ quan nhà nước và tổ chức kinh tế-xã hội.</p> <p>c. Xây dựng đề cương, chương trình nghiên cứu và ứng dụng sáng tạo thành tựu khoa học, công nghệ mới về quản lý dịch hại để giải quyết được những vấn đề bảo vệ thực vật phát sinh;</p> <p>d. Làm việc độc lập, và theo nhóm hiệu quả; xây dựng và phát triển mối quan hệ với tập thể; tự nâng cao trình độ chuyên môn, khám phá tri thức, sáng tạo ra giá trị mới.</p> <p>6.2.2 Kỹ năng mềm</p> <p>Trình bày và giao tiếp hiệu quả thông qua ngôn ngữ nói, thuyết trình và văn bản</p>

6.3	Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân	<p>a. Tự chủ, tự tin và cho thấy rõ ý thức trong cập nhật thông tin để nâng cao trình độ chuyên môn trong các hoạt động học tập, nghiên cứu và ứng dụng kiến thức chuyên môn về bảo vệ thực vật</p> <p>b. Hình thành lập trường chính trị - tư tưởng rõ ràng; cho thấy sự nhạy cảm và nhận thức đúng về các vấn đề kinh tế, xã hội; thích ứng hiệu quả với yêu cầu của sự phát triển xã hội và sự thay đổi của công việc.</p> <p>c. Thể hiện thái độ đúng đắn; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; hình thành ý thức trách nhiệm công dân, ý thức trách nhiệm trong công việc và tính tổ chức kỷ luật tốt, thể hiện tinh thần phục vụ.</p>
6.4	Ngoại ngữ trước khi bảo vệ luận văn	<i>Học viên tự học đạt chứng chỉ B1 của Anh ngữ</i>
7	Cấu trúc chương trình đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Triết học 3 TC+ Ngoại ngữ - Kiến thức chung: 3 tín chỉ (TC) - Kiến thức cơ sở: 12 TC (6 bắt buộc, 6 tự chọn) - Kiến thức chuyên ngành: 30 TC (18 BB, 12 TC) - Luận văn tốt nghiệp: 15 TC
8	Đã tham khảo CTĐT của Trường	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình Sau đại học về Bác sĩ cây trồng của trường Đại học Florida; http://dpm.ifas.ufl.edu/wp-content/uploads/2017/11/DPM_Handbook_2017.pdf - Chương trình đào tạo bậc Thạc sĩ và TS của học viện Nông nghiệp Việt Nam: https://www.vnua.edu.vn/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao/view.html?cid=4645&tab=4645
9	Học phần bổ sung kiến thức cho các ngành gần	<ul style="list-style-type: none"> - Số học phần: 1; tổng tín chỉ: 3 - Tên các học phần (<i>tên, mã số HP, số tín chỉ</i>) Hóa Bảo vệ Thực vật, NN138, 3 TC.
10	Môn thi tuyển sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh lý thực vật - Hệ thống canh tác - Ngoại ngữ

Chương trình đào tạo chi tiết

Tổng số tín chỉ: 60TC.

Thời gian đào tạo: 2 năm.

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
Phần kiến thức chung									
1	ML605	Triết học	3	X					I, II
2		Ngoại ngữ: <i>Học viên có thể chọn 1 trong 3 cách sau:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp chứng chỉ B1 do các cơ sở được Bộ GD&ĐT cho phép; - Nộp văn bằng ngoại ngữ được quy định trong Quy chế đào tạo thạc sĩ của Bộ GD&ĐT; - Tham gia học phần ngoại ngữ do Trường tổ chức riêng cho học viên cao học theo quy định. 							
<i>Cộng: 3 TC (Bắt buộc: 3 TC; Tự chọn: 0 TC)</i>									

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
Phần kiến thức cơ sở									
3	NNC608	Phương pháp nghiên cứu khoa học - cây trồng	2	X		20	20		I, II
4	NN686	Thống kê, phép thí nghiệm ứng dụng	2	X		15	30		I, II
5	NN612	Sinh lý và sinh thái học côn trùng	2	X		30			I, II
6	NNB615	Sinh học nấm hại thực vật	2		X	15	30		I, II
7	NNB604	Thâm cứu tuyến trùng học thực vật	2		X				
8	NNB602	Virus học thực vật	2		X	15	30		I, II
9	NN621	Vi khuẩn học thực vật	2		X	15	30		I, II
10	NN704	Phân tích hệ thống canh tác	2		X	30			I, II
11	NN687	Sinh lý cây trồng trong điều kiện bất lợi	2		X	30			I, II
12	NNG604	Thâm cứu di truyền chọn giống phân tử	2		X	20	20		I, II
13	NN714	Thâm cứu dinh dưỡng cây trồng	2		X	30			I, II
<i>Cộng: 12 TC (Bắt buộc: 6 TC; Tự chọn: 6 TC)</i>									
Phần kiến thức chuyên ngành									
14	NN609	Công nghệ sinh học trong bảo vệ thực vật	3	X		30	30		I, II
15	NN603	Độc chất học nông nghiệp	3	X		30	30		I, II
16	NNC712	Thực tập giáo trình - cây trồng	2	X			90		I, II, III
17	NN622	Chiến lược quản lý cỏ dại	2	X		30			I, II
18	NN623	Chiến lược quản lý bệnh hại cây trồng	2	X		30			I, II
19	NN624	Chiến lược quản lý côn trùng hại cây trồng	2	X		30			I, II
20	NN711	Sinh hoạt học thuật	2	X			60		I, II
21	NN616	Kiểm dịch thực vật	2	X		15	30		I, II
22	NNB609	Hóa chất sinh thái học	2		X	15	30		I, II
23	NNB612	Tương tác giữa cây trồng và vi sinh vật	3		X	30	30		I, II
24	NNB611	Tương tác giữa cây trồng và côn trùng	2		X	30			I, II
25	NNB608	Dịch tể học dịch hại cây trồng	2		X	30			I, II
26	NNB607	Bệnh hại cây trồng có nguồn gốc từ đất	2		X	15	30		I, II
27	NNB613	Thâm cứu phòng trừ sinh học bệnh hại cây trồng	2		X	15	30		I, II
28	NNB614	Thâm cứu phòng trừ sinh học côn trùng hại cây trồng	2		X	15	30		I, II
29	NNB610	Nhện nhỏ hại cây trồng	2		X	15	30		I, II

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
30	NN619	Thâm cứu giám định sâu hại cây trồng	2		X	15	30		I, II
31	NN620	Thâm cứu giám định bệnh hại cây trồng	2		X	15	30		I, II
<i>Cộng: 30 TC (Bắt buộc: 18 TC; Tự chọn: 12 TC)</i>									
Phần luận văn tốt nghiệp									
32	NNB000	Luận văn tốt nghiệp	15	X					I, II
Tổng cộng			60	42	18				

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**

**HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH**

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2019
TRƯỞNG KHOA



Hà Thanh Toàn

Lê Việt Dũng

Lê Văn Vàng

Bảng ma trận mối liên hệ giữa mục tiêu đào tạo và các học phần với chuẩn đầu ra

**Ngành: Bảo vệ thực vật
Trình độ: Thạc sĩ**

A. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VỚI CHUẨN ĐẦU RA

Mục tiêu đào tạo (5)	Chuẩn đầu ra (6)														Ngoại ngữ (6.4)		
	Kiến thức (6.1)				Kỹ năng (6.2)				Thái độ (6.3)			Kỹ năng mềm					
	Kiến thức cơ sở		Kiến thức chuyên ngành		Kỹ năng cứng		Kỹ năng mềm	a	b	c							
	a	b	a	b	a	b					c		d				
a		X		X	X	X	X		X								X
b	X	X	X	X		X	X					X					
c		X		X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X
d		X		X			X					X		X	X	X	X

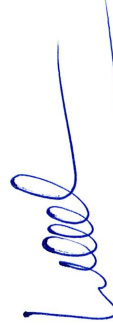
Ghi chú: x: thể hiện mối quan hệ cụ thể;

Học phần		Chuẩn đầu ra (6)																		Ngoại ngữ	
		Kiến thức (6.1)						Kỹ năng (6.2)						Thái độ (6.3)							
		Kiến thức chung		Kiến thức cơ sở		Kiến thức chuyên ngành		Kỹ năng cứng		Kỹ năng mềm		a	b	c							
		a	b	a	b	a	b	a	b	c	d				a	b	c				
23	NNB612		X		X		X		X		X		X		X		X		X		X
24	NNB611		X		X		X		X		X		X		X		X		X		X
25	NNB608		X		X		X		X		X		X		X		X		X		X
26	NNB607		X		X		X		X		X		X		X		X		X		X
27	NNB613		X		X		X		X		X		X		X		X		X		X
28	NNB614		X		X		X		X		X		X		X		X		X		X
29	NNB610		X		X		X		X		X		X		X		X		X		X
30	NN619		X		X		X		X		X		X		X		X		X		X
31	NN620		X		X		X		X		X		X		X		X		X		X
32	NNB000		X		X		X		X		X		X		X		X		X		X

Ghi chú: x: thể hiện mối quan hệ cụ thể;

Cần Thơ, ngày 31 tháng 12 năm 2019

TRƯỜNG KHOA



Lê Văn Vàng

